

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 329/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2017

V/v tranh chấp “Hôn nhân
và gia đình - Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Tám.

Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 206/2017/TLST-HNGĐ ngày 11/7/2017 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình – Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Sao M, sinh năm 1971.

Địa chỉ: số 353, ấp BT, xã LH, huyện BB, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Võ Hoài L, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp TP, xã PL, huyện PT, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 21/6/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Phạm Thị Sao M trình bày: Vào năm 1999, bà và ông Võ Hoài L chung sống như vợ chồng đến năm 2005 thì đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phú Lâm cấp giấy Chứng nhận kết hôn số 146 quyển số 01 ngày 31/10/2005. Sau khi thành vợ chồng thì thời gian đầu ông, bà chung sống hạnh phúc tại ấp Bến Tượng, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Đầu năm 2015 phát sinh mâu thuẫn do ông L thường xuyên bỏ nhà ra đi, không lo chu toàn cho vợ con, vợ chồng bất đồng quan điểm, khoảng giữa năm 2015 ông đã bỏ nhà ra đi từ đó vợ chồng ly thân cho đến nay.

Về con chung của vợ chồng: Có hai đứa con chung là cháu Võ Hoài T, sinh ngày 16/3/2000 và Võ Thị Hồng H, sinh ngày 11/8/2003 hiện đang sống với bà M.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không có.

Nay bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chồng là ông Võ Hoài L và yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung là cháu cháu Võ Hoài T, sinh ngày 16/3/2000 và Võ Thị Hồng H, sinh ngày 11/8/2003, không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Võ Hoài L đã được Tòa án niêm yết Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông L đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải đến lần thứ hai; triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông L vẫn vắng mặt, không rõ lý do.

Theo Đơn xác nhận ngày 27/9/2017 của UBND xã Lai Hưng xác nhận theo đơn của bà M có nội dung bà và ông L chung sống như vợ chồng năm 1999 đến năm 2005 thì đăng ký kết hôn, có hai đứa con chung tên Võ Hoài T, sinh ngày 16/3/2000 và Võ Thị Hồng H, sinh ngày 11/8/2003, quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nên ông L đã bỏ nhà ra đi từ năm 2015, vợ chồng ly thân cho đến nay.

Tại bản tự khai ngày 15/7/2017 của cháu Võ Hoài T và bản tự khai ngày 28/9/2017 của cháu Võ Thị Hồng H có nội dung thể hiện nguyện vọng của các cháu là tiếp tục sống chung với mẹ là chị M sau khi cha mẹ ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông L nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Ông L với tư cách là bị đơn trong vụ kiện có nơi cư trú tại ấp TP, xã PL, huyện PT, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

Ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của ông không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông L là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông L kết hôn vào năm 1999 và đã đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Phú Lâm nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Xét thấy, vợ

chồng ông, bà đã sống ly thân từ giữa năm 2015, từ đó cho đến nay hai bên không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau được UBND xã Lai Hưng xác nhận nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà M yêu cầu được ly hôn với ông L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nghị nên chấp nhận.

Về con chung: Bà M, ông L có hai đứa con chung tên Võ Hoài T, sinh ngày 16/3/2000 và Võ Thị Hồng H, sinh ngày 11/8/2003, các cháu đang sống chung với bà M. Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay các cháu đã sống chung với bà M, dưới sự chăm sóc, giáo dục của bà, các cháu đang sinh sống ổn định và phát triển bình thường, bà M có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu nên yêu cầu của bà là phù hợp với nguyện vọng của các cháu và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nghị nên tiếp tục giao các cháu cho bà M nuôi dưỡng. Ông L được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

[3] Về án phí:

Yêu cầu ly hôn của bà M được chấp nhận nên bà phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0016040 ngày 11/7/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Phạm Thị Sao M được ly hôn với ông Võ Hoài L.

2/. Về con chung:

Giao các cháu Võ Hoài T, sinh ngày 16/3/2000 và Võ Thị Hồng H, sinh ngày 11/8/2003 cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng. Bà M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết. Ông L được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cấm. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

3/. Về án phí: Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0016040 ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án huyện PT, tỉnh An Giang.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, do các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hữu Nghĩa